CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

FireAnt

CTCP Khử trùng Việt Nam

Ngày 31/03/2024	59,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.2%	**69.4%**	**68.5%**

DT thuần
Q1/24
966
tỷ VNĐ
QoQ: ▼193| -16.7%
YoY: ▲ 275| 39.8%

LN thuần
Q1/24
97.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼54.4| -35.8%
YoY: ▲ 27.1| 38.4%

LN sau thuế
Q1/24
78.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼38.3| -32.7%
YoY: ▲ 23.0| 41.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
10.4%
YoY: +/-▼ 3.1%

ROE (TTM)
Q1/24
26.2%
YoY: +/-▲ 1.4%

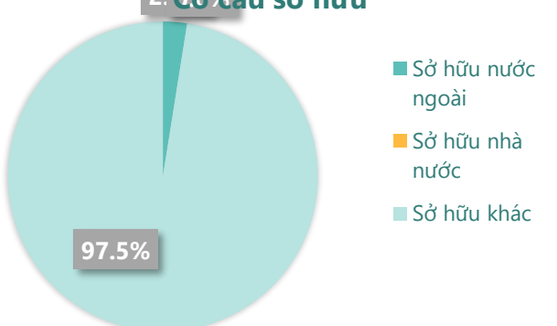
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	32,313 - 63,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,499
Số lượng CPLH (CP)	41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)	43,175
Sở hữu nước ngoài	2.5%
Beta	0.08
EPS	7,637
P/E	7.8

DT thuần
2023
3,262
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 285| 9.6%

LN thuần
2023
377
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 91.0| 31.9%

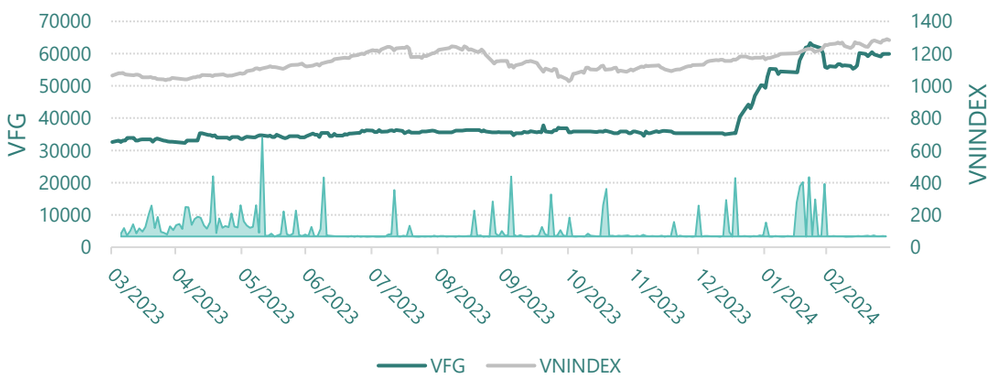
LN sau thuế
2023
296
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 67.0| 29.0%

Cơ cấu sở hữu

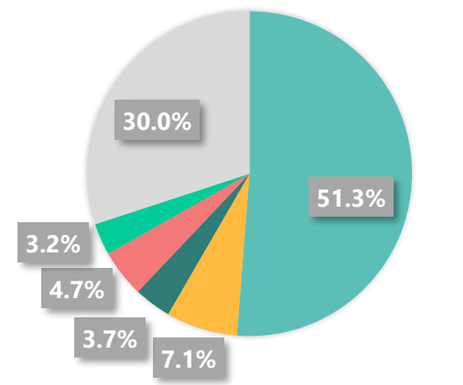


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



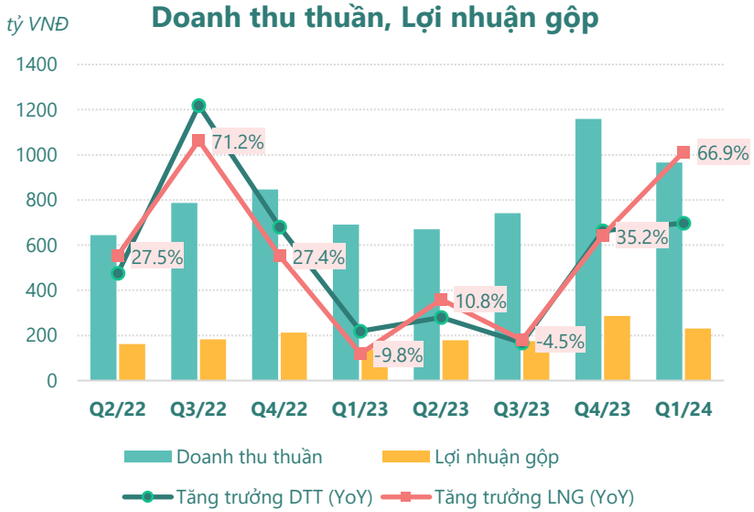
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

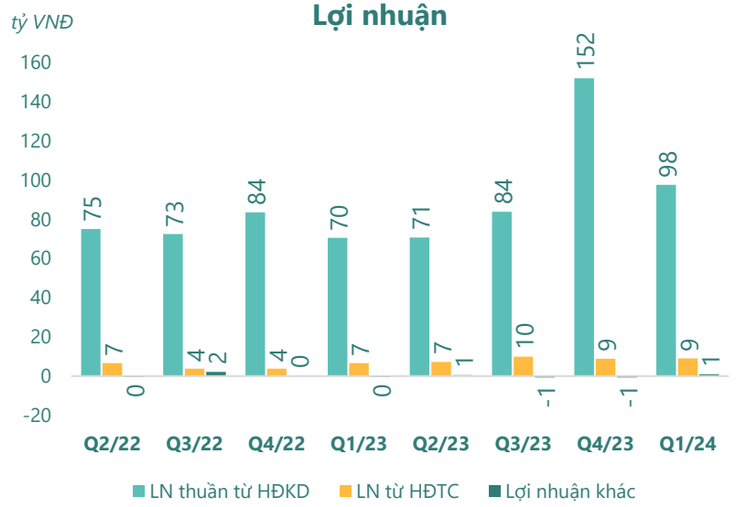
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



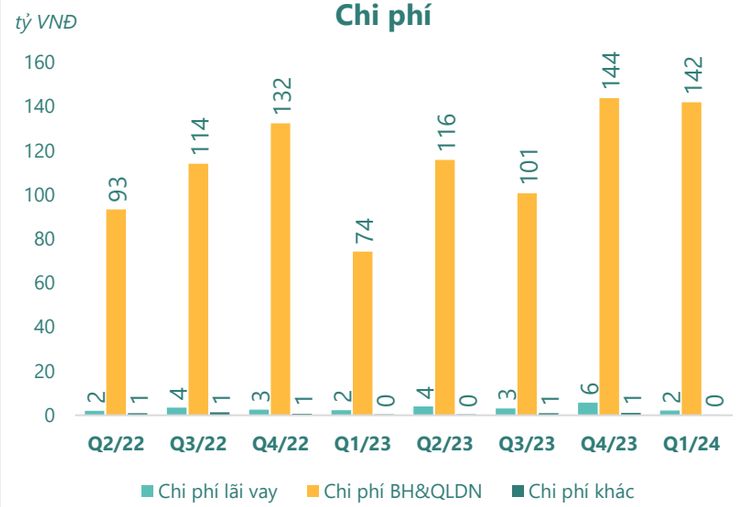
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



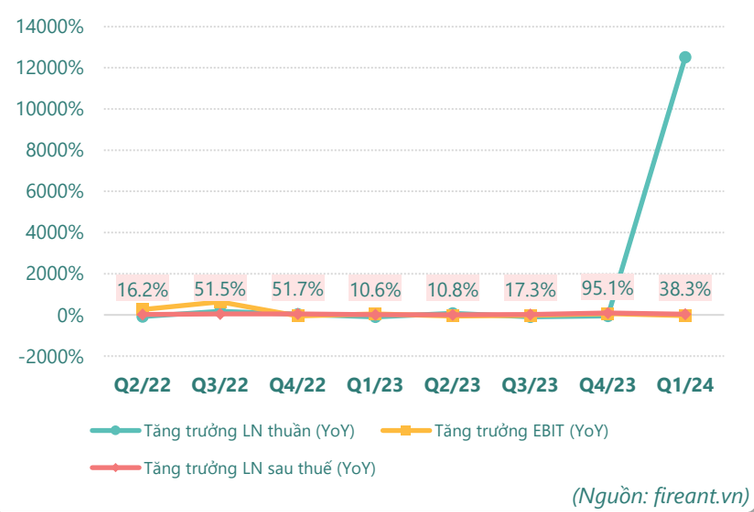
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



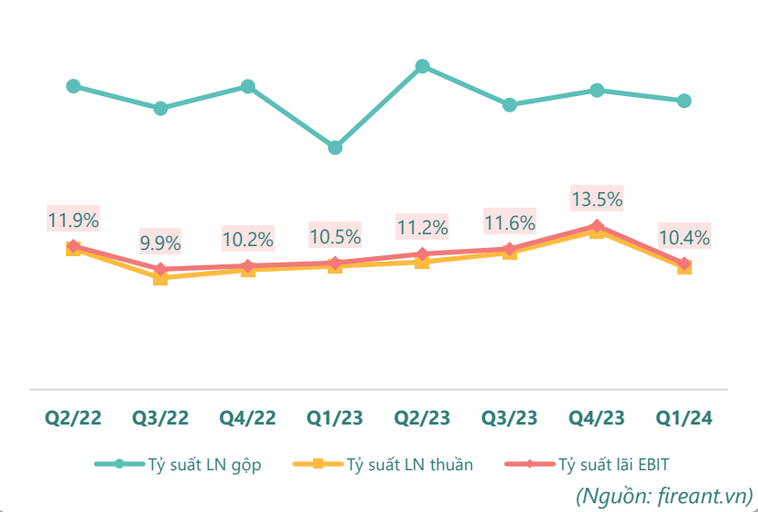
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



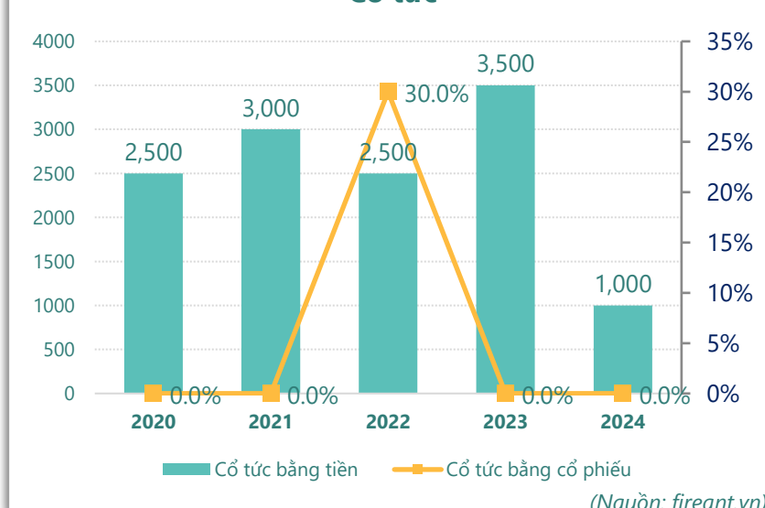
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

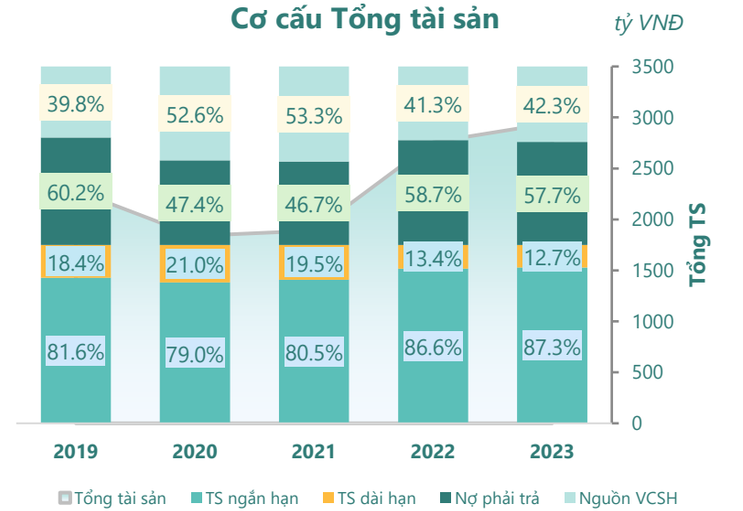
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

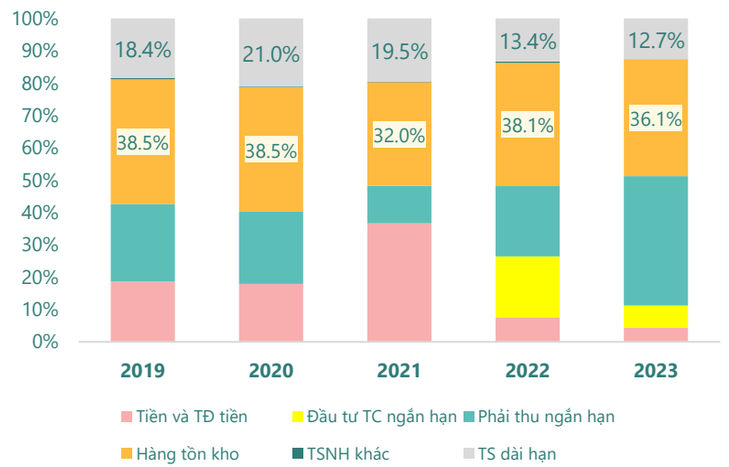
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



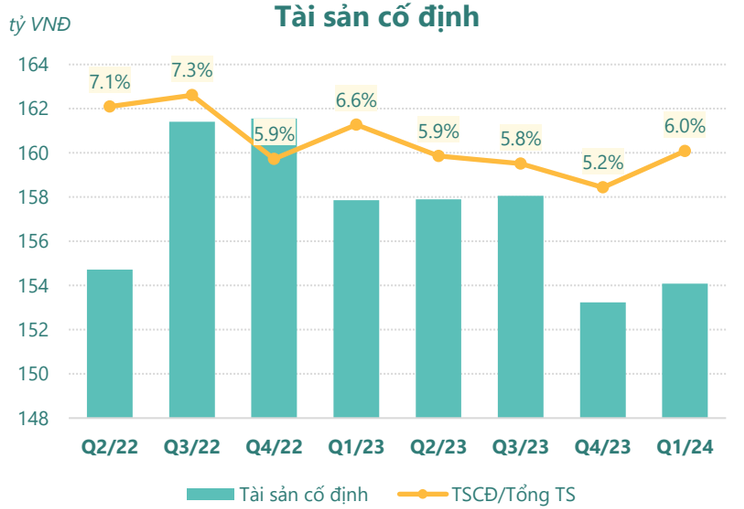
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



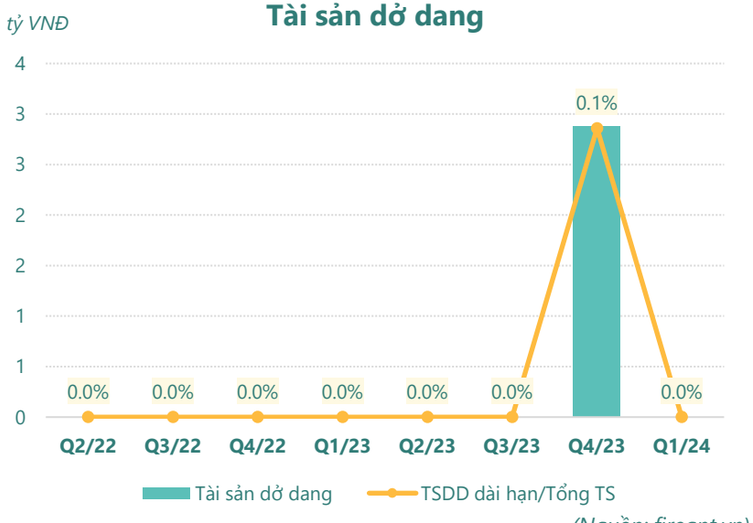
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



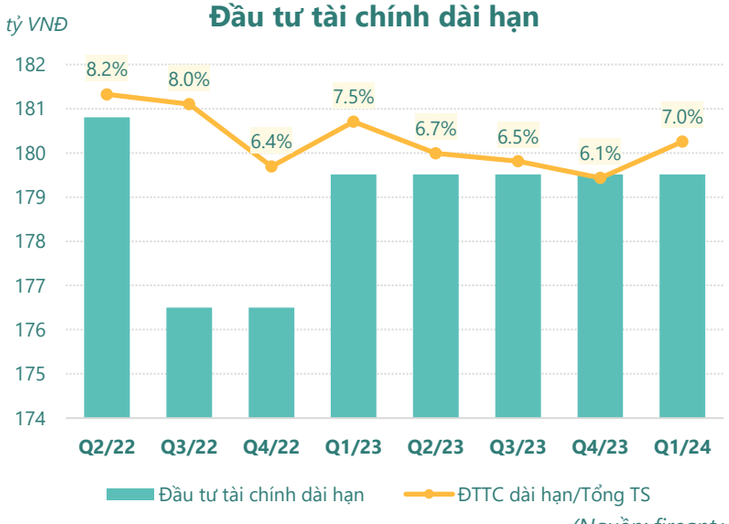
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



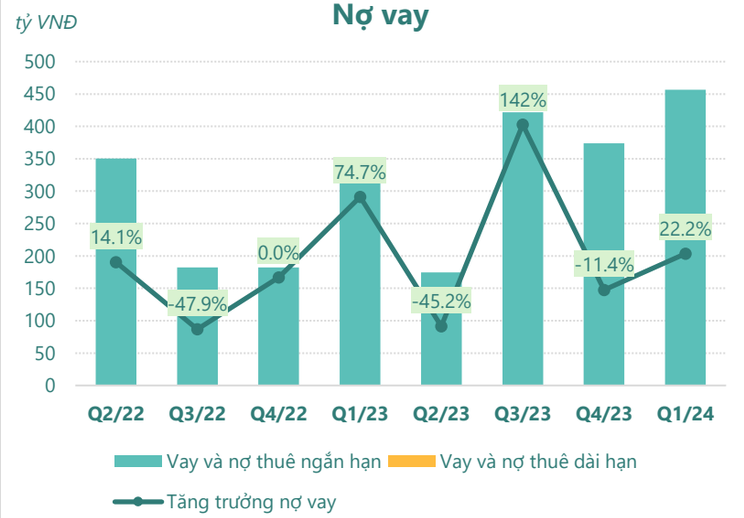
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

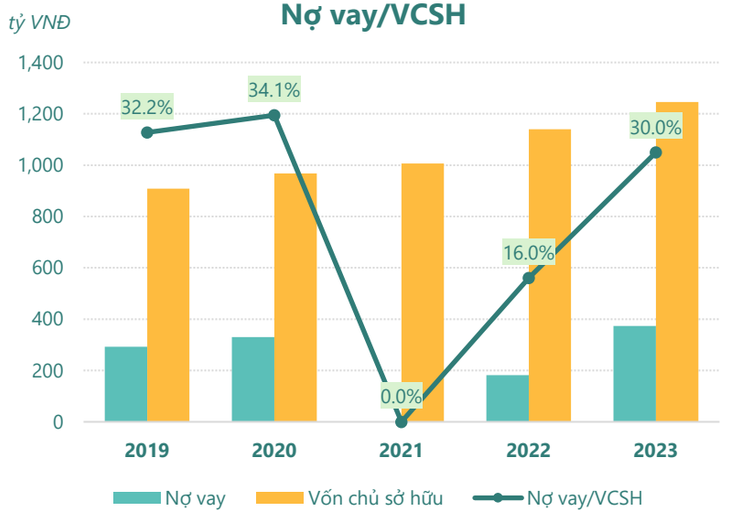
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

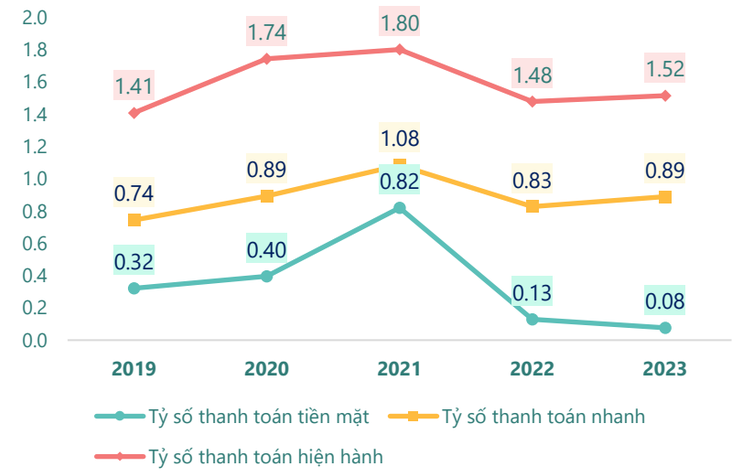
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



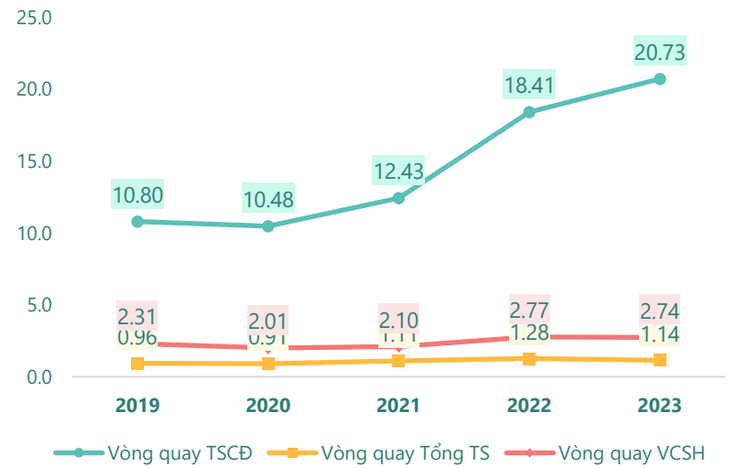
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



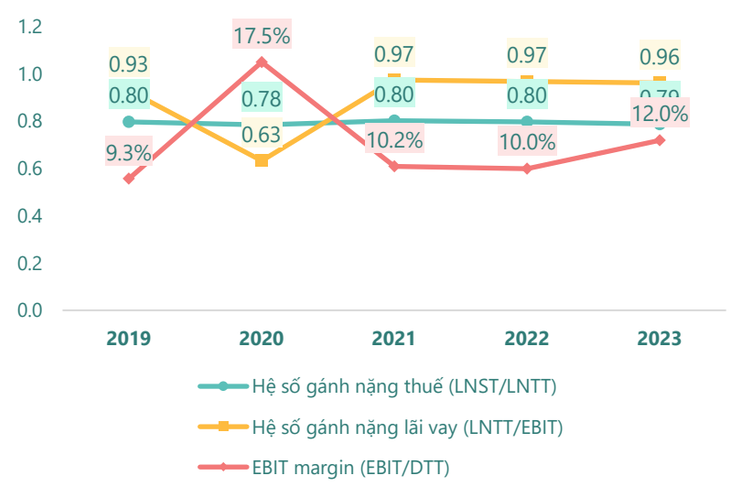
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



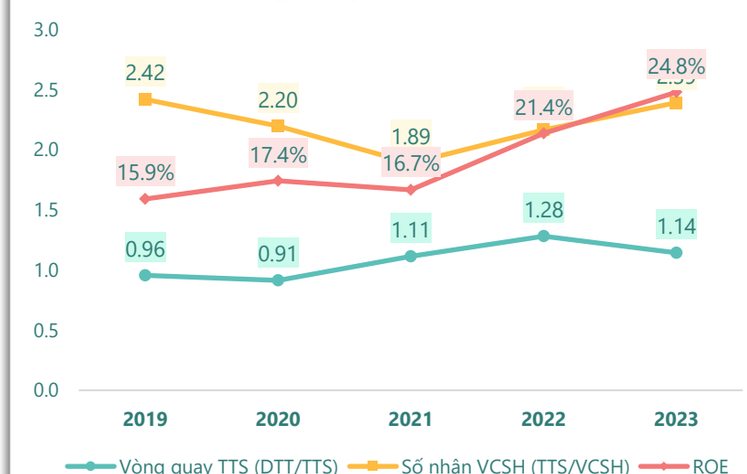
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



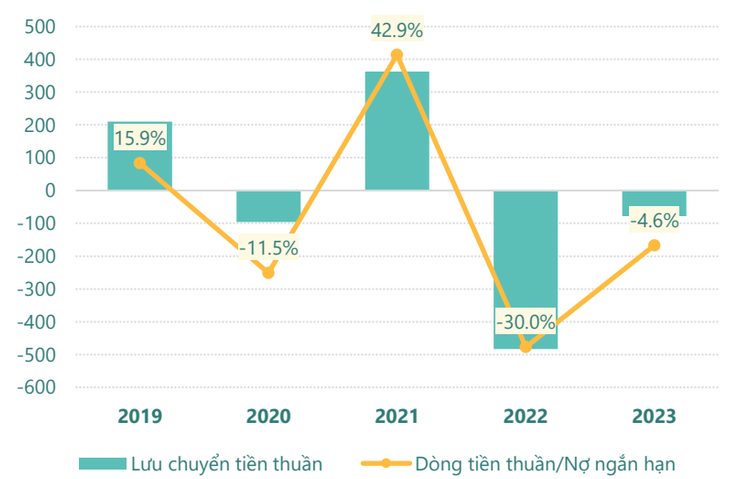
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**966**	**691**	**39.8%**	**3,262**	**2,977**	**9.6%**
Giá vốn hàng bán	735	553	33.0%	2,483	2,267	9.6%
Lợi nhuận gộp	231	138	67.1%	779	710	9.7%
Doanh thu HĐTC	15.6	14.0	11.4%	71.9	56.3	27.7%
Chi phí TC	6.60	7.38	-10.6%	39.3	37.6	4.5%
Chi phí lãi vay	2.17	2.34	-7.1%	15.1	9.63	57.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	118	59.0	99.8%	353	389	-9.1%
Chi phí QLDN	**24.1**	**15.3**	**57.3%**	**81.6**	**54.5**	**49.6%**
LN thuần từ HĐKD	97.6	70.5	38.4%	377	286	31.9%
Lợi nhuận khác	**0.93**	**-0.45**	**306%**	**-1.19**	**2.01**	**-160%**
LN trước thuế	98.5	70.0	40.7%	376	288	30.6%
Lợi nhuận sau thuế	**78.7**	**55.7**	**41.3%**	**296**	**229**	**29.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**78.7**	**55.7**	**41.3%**	**296**	**229**	**29.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	246	-329	483	-276	61.0	-60.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-576	168	-219	136	7.79	191
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	79.2	95.0	-206	249	-48.3	41.8
Tiền đầu kỳ	459	208	143	200	309	130
Lưu chuyển tiền thuần	**-250**	**-65.9**	**58.0**	**109**	**20.6**	**173**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	-0.07	0.17	-0.12	0.04
Tiền cuối kỳ	208	143	200	309	330	303

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,550**	**2,946**	**-13.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,181	2,573	-15.2%
Tiền và tương đương tiền	303	130	133%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.29	200	-99.9%
Phải thu ngắn hạn	1,107	1,178	-6.0%
Hàng tồn kho	749	1,063	-29.5%
Tài sản ngắn hạn khác	21.1	2.32	809%
Tài sản dài hạn	**369**	**373**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	1.77	1.85	-4.1%
Tài sản cố định	154	153	0.6%
Bất động sản đầu tư	14.7	14.9	-1.3%
Tài sản dở dang	0	2.88	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	180	180	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**19.4**	**20.5**	**-5.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,270	1,700	-25.3%
Nợ ngắn hạn	**1,268**	**1,698**	**-25.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	457	374	22.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	97.0	512	-81.0%
Nợ dài hạn	1.99	1.99	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,280**	**1,246**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,280**	**1,246**	**2.8%**
Vốn điều lệ	417	417	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)